

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 28

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Nui sò nấu mực, bí đỏ, nấm kim châm, cải caron, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cánh gà chiên nước mắm, hành baro
- Canh bí ngòi nấu thịt bò, hành lá, ngò rí
Xế: Quýt đường
Xế chiều: Cháo cá ba sa, khoai lang, đậu xanh, rau răm, rau mồng tơi, hành phi, gừng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,600	2,560	40,960
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0185	Tỏi ta	50	7,350	3,675
9	N0937	Nui sò	300	3,060	9,180
10	0413	Mực tươi	500	36,650	183,250
11	0085	Bí đỏ (bí ngô)	300	3,360	10,080
12	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
13	0098	Cải xanh	100	5,040	5,040
14	N0772	Thịt ức gà	1,800	12,920	232,560
15	0186	Tỏi tây (cà lá)	100	8,610	8,610
16	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	900	6,090	54,810
17	0286	Thịt bò loại II	500	36,750	183,750
18	0259	Quýt (quýt)	1,000	6,200	62,000
19	0002	Gạo nếp (loại thường)	200	3,050	6,100
20	0436	Cá basa (phi lê)	500	13,550	67,750
21	0031	Khoai lang	300	4,100	12,300
22	0059	Đậu xanh	50	6,200	3,100
23	0163	Rau mồng tơi	100	4,520	4,520
24	0511	Gừng tươi	20	8,090	1,618
25	0457	Sữa bột toàn phần	486.96	20,500	99,827

26	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	5,780	2,890
Tổng cộng					1,036,000

Tổng tiền thực phẩm	1,036,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,036,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	13,246,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	13,246,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan